**MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN GIÁ TRỊ CỦA VĂN BẢN *MÙA XUÂN CHÍN***

Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất và cũng kì lạ nhất của Thơ mới 1932 – 1945, thế giới thơ Hàn đầy bí ẩn, phức tạp bởi sự đan xen những hình ảnh vừa thân thuộc, thanh khiết, trong sáng vừa lạnh lẽo, u ám, thê lương. Đó đều là sự phản ánh trung thực tâm hồn của một nhà thơ chan chứa tình yêu đời mãnh liệt cùng nỗi đau đớn quằn quại chính vì tình yêu tuyệt vọng ấy khi phải chia lìa, xa cách cuộc đời.

*Mùa xuân chín* được in trong tập *Thơ điên*, về sau đổi tên thành *Đau thương*. Giải thích về “Thơ điên”:

- Điên không phải là một trạng thái bệnh lí mà là trạng thái xuất thần của thăng hoa, sáng tạo.

- Điên còn là một biểu hiện của quan niệm thẩm mĩ được thể hiện, hữu hình hoá trong hình thức thơ Hàn thời kì này. Trong những khổ thơ, tứ thơ của ông xuất hiện những sự trôi chảy bất định của những dòng tâm tư, của cảm xúc, có những sự giãn cách, hỗn độn, từ đó mang đến cảm giác phi lí. Tất cả những gì không bình thường, gọi là điên, đó là cái tôi được đẩy đến tận cùng, vượt thoát những cái mực thước thông thường.

**1. Nhan đề**

Mùa xuân là một chủ đề quen thuộc trong thơ xưa nay. Tuy nhiên, nếu trong thơ cổ điển, mùa xuân được mô tả như một mô-típ diễn tả quy luật tự nhiên và thời gian có tính khách quan thì trong Thơ mới, mùa xuân gắn liền với nhãn quan của cái “tôi” cá nhân, cá thể, mang đậm dấu ấn xúc cảm của con người thời hiện đại.

- *Mùa xuân*: Là mùa đẹp nhất trong năm, là khởi đầu tươi đẹp.

- *Chín* – tính từ: gợi ra thời khắc đẹp nhất của mùa xuân, khi sắc xuân rực rỡ, khí xuân ấm áp, vạn vật sinh sôi, cây cối đâm chồi nảy lộc, con người và cảnh vật tràn đầy sức sống, phơi phới giao hoà.

*Chín* – động từ: trạng thái của mọi đối tượng đều liên tục biến đổi theo quy trình thành – trụ - hoại – diệt, do vậy, trạng thái hoàn hảo, lí tưởng, sung mãn của “mùa xuân chín” sẽ không thể là vĩnh cửu, khi vạn vật đạt đến độ đẹp nhất thì cũng là bắt đầu thời điểm chuyển sang trạng thái phôi pha, héo úa, tàn phai.

=> Mùa xuân gợi đến tuổi trẻ, sự bắt đầu, để rồi ngay sau đó mùa xuân “chín” lại là sự

tàn phai và kết thúc. Đó là bi kịch của sự kết thúc ngay khi mới bắt đầu. Đó phải chăng là sự đoản mệnh của cái đẹp?

**2. Thiên nhiên và con người trong *Mùa xuân chín***

*Mùa xuân chín* là mùa xuân đã được nội cảm hoá qua nhãn quan Hàn Mặc Tử. Đó là một mùa xuân vừa thanh tân, trong trẻo, vừa đầy xao xuyến, ưu tư. Một mùa xuân vừa mang chứa những đường nét “ý vị và thơ ngây” nhưng đồng thời đã pha màu nhung nhớ, tơ vương. Những đặc tính này thâm nhập, chuyển hoá vào nhau.

- Thiên nhiên thể hiện qua hình ảnh, màu sắc, âm thanh, sự vận động

- Con người thể hiện qua hình ảnh các cô thôn nữ hát/ tâm sự/ người phụ nữ gánh thóc và nhân vật trữ tình (là người hình dung bức tranh Mùa xuân chín trong hiện tại và tương lai)

***a. Bức tranh thiên nhiên***

*- Hình ảnh, màu sắc:* nắng ửng/ lấm tấm vàng/ áo biếc/ xanh tươi…

+ Sắc màu vừa trong sáng, tinh khôi, vừa tươi tắn, rực rỡ…

+ Những sắc màu gợi sự chuyển đổi nguyên sơ, rạo rực tự bên trong mỗi sinh thể sống, tất cả như bừng thức trong sức sống mãnh liệt của mùa xuân

*- Âm thanh:* “Sột soạt…”

+ Từ láy tượng thanh mô phỏng những âm thanh nhỏ khi những vật mỏng, khô, cứng khẽ va chạm vào nhau.

+ Có thể là âm thanh của tiếng lá trên giàn thiên lý khe khẽ xao động trong gió/ cũng có thể gợi liên tưởng âm thanh của tà áo còn mới, chạm sát vào nhau theo bước người đi…

+ Đảo ngữ tạo ấn tượng cho sự chú ý và cảm giác hồi hộp mơ hồ khi lắng nghe những âm thanh tuy nhỏ nhưng rất rõ, dù hiểu đó là âm thanh của tiếng gió, tiếng lá trên giàn thiên lý xanh biếc hay âm thanh của tiếng gió đùa với tà áo xanh thôn nữ giữa mùa xuân đều rất gợi cảm.

*- Sự vận động:*

+ “Sột soạt gió trêu tà áo biếc…”: Gió được nhân hóa, đem lại cảm giác vạn vật như bừng thức trong không khí mùa xuân. Có thể gợi liên tưởng đến hình ảnh chàng trai lãng mạn, nhờ cảnh xuân rạo rực mà trở nên táo bạo, tinh nghịch, đa tình…

=> Cả khổ thơ là bức tranh rực rỡ, tươi sáng của nắng xuân, gió xuân, tình xuân…

Nghệ thuật vắt dòng từ câu 3 tới câu 4, dấu chấm câu và phép nhân hóa khiến “Bóng xuân sang” trở thành sự hiện diện trọn vẹn, viên mãn, hoàn hảo của “mùa xuân chín”, kết thúc hành trình của mùa xuân khi khí xuân, sắc xuân, tình xuân tràn ngập đất trời.

+ “Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời…”: So sánh với câu thơ của Nguyễn Du. Câu thơ của Nguyễn Du nhấn mạnh sắc xanh non bát ngát của thảm cỏ trải rộng mênh mông như tới tận chân trời. Câu thơ miêu tả một khoảnh khắc tĩnh của bức tranh mùa xuân, mang đậm phong cách thơ trung đại.

Câu thơ của Hàn Mặc Tử tô đậm ấn tượng về sự rung động dạt dào cuồn cuộn của lớp lớp sóng cỏ dài, dày, mềm mại, nối tiếp nhau, lan tỏa sức sống mãnh liệt của mùa xuân tới tận chân trời. Câu thơ gợi ra trạng thái chuyển động mãnh liệt của sự sống, mang hơi thở của Thơ mới.

=> Thơ Hàn hồi hộp gợi, náo nức mở, hối hả phô bày bức tranh thiên nhiên với những từ ngữ miêu tả tinh tế, sống động màu sắc và trạng thái của các sự vật, hiện tượng trong một thế giới luôn vận động và thay đổi từng khoảnh khắc.

***b. Bức tranh con người***

- Con người hiện lên *gián tiếp* qua hình ảnh hoán dụ “tà áo biếc”/ hình ảnh ẩn dụ “Bóng xuân sang”/ qua âm thanh “Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi”/ qua lời “Thầm thĩ với ai ngồi dưới trúc”…

+ Khi gió được nhân hóa như một chàng trai tinh nghịch vui đùa và lãng mạn thì “tà áo biếc” không chỉ là ẩn dụ cho sắc biếc của thiên lý mà còn có thể coi là một hoán dụ cho một người con gái trong tà áo xanh biếc, tinh khôi, duyên dáng bước đi giữa mùa xuân.

+ Cùng trong một trường liên tưởng, “Bóng xuân sang” không chỉ là cách nhà thơ hữu hình hóa mùa xuân khi đất trời tràn ngập hương sắc xuân mà còn có thể hiểu theo nét nghĩa ẩn dụ về một người con gái thanh xuân, duyên dáng, mang sắc xuân, tình xuân tới cuộc đời.

=> Tính mơ hồ, đa nghĩa của hình tượng ngôn từ đã tạo ra những nét nghĩa trùng điệp, bất ngờ, thú vị, tạo sự hòa nhập quấn quýt giữa con người và thiên nhiên.

- Con người hiện lên như *đối tượng khách quan được mô tả* - cái tình xuân thắm thiết, “ý vị và thơ ngây” ở những con người tràn đầy sức sống và xuân tình, ở “bao cô thôn nữ”. Bức tranh xuân hòa quyện tuyệt vời giữa sóng cỏ trong cảnh xuân của thiên nhiên với sóng lòng rạo rực tình xuân trong tuổi xuân của các cô thôn nữ.

+ “Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi”: Từ láy tượng hình nhưng lại làm hiện lên âm thanh tiếng hát trong vắt, cao vút, bay bổng và lan tỏa giữa không gian khoáng đạt của núi đồi, tiếng ca như hữu hình, giăng mắc lưng chừng núi, không bị chìm khuất giữa mênh mông…

+ Từ láy “hổn hển” gợi đồng thời cả nhịp thở xúc động, cả âm thanh tiếng hát như nỗi niềm thổn thức, như sự rạo rực của tình xuân. Âm thanh tiếng hát “Hổn hển như lời của nước mây” không hiện ra trong một so sánh cụ thể mà được gợi tả từ “lời của nước mây” là một âm thanh trừu tượng – so sánh độc đáo khiến tiếng hát của những thôn nữ đang tuổi thanh xuân vừa nồng nàn tình yêu đời, vừa vang vọng, hòa lan vào đất trời, mây nước.

+ Từ láy “thầm thĩ” là những tiếng thì thầm tâm sự, nhưng sắc thái của những lời tâm tình ấy da diết, yêu thương, thấm đượm xuân tình. “Nghe ra” là sự đồng cảm, thấu hiểu, là giải mã được âm thanh tiếng lòng của các cô gái qua tiếng hát vừa ẩn chứa ý tứ của xuân tình, vừa thể hiện nét hồn nhiên ngây thơ của tuổi xuân.

- Con người hiện lên là *nhân vật trữ tình* với những dự cảm buồn bã về quy luật khắc nghiệt của thời gian. Đó là sự tiếc nuối cho tuổi xuân đẹp đẽ nhưng ngắn ngủi, xót xa cho sự ngây thơ của các cô thôn nữ đang hồn nhiên ca hát trong cảm giác mùa xuân, tuổi xuân như vĩnh hằng từ đó mà ngậm ngùi cho bi kịch bất hạnh của chính cuộc đời mình, nhận ra những âm thầm tàn phai đằng sau vẻ đẹp viên mãn của hiện tại: “Ngày mai trong đám… bỏ cuộc chơi” => Quy luật tất yếu của thời gian, quy luật tàn phai của tuổi trẻ, tình yêu con người.

- Nhân vật trữ tình được *khách thể hoá* thành hình ảnh “khách xa… bâng khuâng sực nhớ làng”: Người con của quê hương lại trở thành người khách của quê hương, nơi gắn bó thân yêu máu thịt lại trở thành nơi không thuộc về mình => Hình ảnh và tâm trạng nhân vật trữ tình đưa tới nhiều nghịch lý.

- Con người được hiện lên trong câu hỏi trăn trở của nhân vật trữ tình: “Chị ấy…nắng chang chang”:

Đó có thể là hình ảnh thực của kí ức trong quá khứ, cũng có thể là hình ảnh hiện lên trong nỗi băn khoăn trăn trở của hiện tại. “Chị ấy” có thể là người thân thiết trong lòng thi nhân, người gắn liền vưới hình ảnh làng quê, với cuộc đời ấm áp bên ngoài, cũng có thể là hình ảnh hiện lên trong trí tưởng tượng của nhà thơ khi nhớ về làng. Đó có thể là người phụ nữ tần tảo, lam lũ đã đi qua tuổi trẻ, gợi sự buồn bã, xót xa; nhưng cũng có thể là người phụ nữ quê hương, gợi sự gần gũi, thân thuộc => Đều là biểu tượng của cái đẹp

=> *Tình yêu đời sâu sắc* (nhạy cảm với cái đẹp của thiên nhiên, con người // khát khao giao cảm với cuộc đời nhớ thương tha thiết và hình dung sống động bức tranh cuộc sống dù đang phải chia lìa xa cách) và *nỗi buồn bã* trong những dự cảm, suy tư về sự ngắn ngủi, mong manh của cái đẹp.

**3. Một số kết hợp ngôn từ đặc sắc**

- Mùa xuân chín: Danh từ trừu tượng kết hợp với tính từ chỉ trạng thái vật chất, tạo nên một cấu trúc ẩn dụ mới lạ. Đó là mùa xuân ở độ chín tới đầy viên mãn, ngọt ngào.

- Động từ (*ửng, trêu, tan, gợn, hát, nhớ*,…), tính từ (*mơ, vàng, biếc, xanh tươi, xuân xanh, ý vị, thơ ngây, chín, bâng khuâng*,…), từ láy tượng thanh, tượng hình (*lấm tấm, sột soạt, vắt vẻo, hổn hển, thầm thĩ, bâng khuâng, chang chang*): Gợi nên bức tranh thiên nhiên và đời sống đầy cảm giác.

- Cách gieo vần, ngắt nhịp linh hoạt, thể hiện diễn tiến cảm xúc cá nhân tinh vi. Cách ngắt nhịp giữa dòng (*Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang*) nhấn mạnh giây phút giao hoà trời đất và tâm hồn vi diệu.

- Điệp âm “trắng-nắng, chang-chang” và câu hỏi tu từ gợi nên khung cảnh thiên nhiên chói chang, gay gắt, xót xa, u uẩn.

“Ở *Mùa xuân chín*, *ửng* là xuân tình của nắng, *mơ* là xuân tình của khói, *lấm tấm vàng* là xuân tình của những mái nhà gianh, *sột soạt trêu* là xuân tình của gió, và sắc *biếc* của tà áo bị trêu tròng là xuân tình nơi giàn thiên lí… Cứ như thế, như thế vẻ xuân tình của thiên nhiên theo làn *sóng cỏ xanh tươi* gợn lên đến tận trời. Cả bầu không gian mênh mông ấy, tràn đầy vẻ xuân, khí xuân. Xuân tình từ thiên nhiên lây lan giao ứng với xuân tình trong lòng người, cả hai nhập vào nhau trong cùng một tiếng hát. Là tiếng hát của những cô thôn nữ mà cũng là tiếng hát của nước mây. Thiên nhiên và con người đồng ca, đồng vọng hay tiếng hát trong lòng thiên nhiên đang cất lên qua lời ca của con người thì cũng thế.

Thiên nhiên mùa xuân cũng được cảm nhận và được mô tả như một thiếu nữ. Dường như sau cái bức tranh dệt bằng các chi tiết thiên nhiên ấy ta thấy thấp thoáng bóng một thiếu nữ tràn ngập xuân tình, khi thì qua sắc *nắng ửng* (như sắc má ửng hồng), khi thì qua *tà áo biếc*, khi thì qua lời *nước mây hổn hển* rồi lại *thầm thĩ*… ấy là nàng xuân vậy.”

“Dường như đối với Hàn Mặc Tử, tình xuân nảy nở cứ càng lúc càng nồng nàn mãnh liệt hơn : thành sắc màu, thành ánh sáng rồi thành gió trêu, thành sóng cỏ… mà cuối cùng là thành tiếng hát tình tứ. Tiếng hát là kết tinh cao nhất của tình xuân. Từ trong lòng tạo vật phát ra ngoài, rồi gợn lên, lan đi, vắt vẻo ở lưng chừng núi, và cuối cùng thì cao bay lên tận đỉnh trời thành lời của nước mây. Khi tiếng hát đã rộn rực say đắm đến thành “hổn hển” rồi thì đó là hơi xuân bốc lên cao nhất, lòng xuân tới độ nồng nàn nhất, chín nhất. Nó là đỉnh điểm của khí xuân tình xuân, điểm chín của vẻ xuân thì xuân. Nó “thầm thì” rót vào tai người “khách xa” những lời tình quyến rũ mà trong trẻo, nên khách đã: “nghe ra ý vị và thơ ngây”. Từ lòng người đến đất trời mây nước, tất cả đã vào điểm chín của tình xuân. Cả vũ trụ dường đang chan chứa vẻ xuân.

Xuân chín cũng là chấm dứt xuân. Nó chấm dứt vào cái ngày cuối cùng của quãng đời thiếu nữ. Nửa sau của bài thơ đã chuyển mạch thành tiếc xuân thì” (Chu Văn Sơn).

Hàn Mặc Tử làm thơ từ năm 16 tuổi, lấy bút danh là Phong Trần, Lệ Thanh... đến năm 1936 mới đổi là Hàn Mặc Tử. Ngoài sáng tác thơ, ông còn viết văn và kịch thơ. *Gái quê* là tập thơ duy nhất xuất bản khi tác giả còn sống (1936). Sau khi ông mất các tập thơ *Thơ điên, Xuân như ý*, tập kịch thơ *Quần tiên hội*... đều được xuất bản.

Hàn Mặc Tử là người đứng đầu "trường thơ loạn", phản ánh sự khủng hoảng bế tắc của phong trào Thơ mới.

Hàn Mặc Tử tên thật là Nguyễn Trọng Trí sinh năm 1912 tại Đồng Hới (Quảng Bình) trong một gia đình có 6 anh chị em. Cha là chủ sự Sở Thương Chánh Nhật Lệ – Đồng Hới, do đó các anh em ông đều được ăn học tử tế từ nhỏ. Năm ông 14 tuổi, cha ông đột ngột qua đời vì bệnh tật. Gánh nặng gia đình đè trên vai người mẹ. Gia đình cầm cự được thêm vài năm nữa thì ông cũng phải bỏ học để phụ giúp gia đình. Năm 1935, những dấu hiệu đầu tiên của bệnh phong bắt đầu xuất hiện trên cơ thể ông. Nhưng đến năm 1937, khi những cơn đau đớn dữ dội bắt đầu xuất hiện, ông mới biết chắc rằng mình mắc bệnh nan y. Gia đình đưa ông chạy chữa và cả trốn tránh khắp nơi vì sự kỳ thị, cũng như không tin tưởng vào y học tây phương. Cho đến tận tháng 9 năm 1940, khi gần như đã tuyệt vọng vì bệnh tật, ông mới được đưa vào trại phong Quy Hoà. Hai tháng sau, Hàn Mặc Tử mất trong cô độc ở trại phong, đến vài ngày sau đó gia đình đưa đồ ăn vào tiếp tế cho ông mới hay tin.

Chỉ với vỏn vẹn 28 năm sống trên cõi đời, nhưng Hàn Mặc Tử đã kịp để lại một di sản thơ ca đồ sộ, trong đó có nhiều bài thơ, câu thơ được xếp vào hàng tuyệt tác. Ông là một trong những nhà thơ đầu tiên của dòng thơ lãng mạn hiện đại, là người khai sinh ra trường thơ loạn (còn gọi là Thơ điên). Nếu chỉ dùng 4 chữ để tóm gọn cuộc đời của thi nhân Hàn Mặc Tử thì 4 chữ đó ắt hẳn là: tài hoa, đa tình, đau thương và yểu mệnh. Nói về cái sự đào hoa, đa tình của Hàn Mặc Tử, trong cuộc đời ngắn ngủi của ông, nếu tính riêng quãng đời sau khi trưởng thành thì chỉ khoảng 10 năm, Hàn Mặc Tử đã kịp “gieo tình” cho rất nhiều người con gái. Có người khiến cho ông buồn bã u sầu vì mối tình đơn phương không được đáp trả, như cô gái nhà bên mang tên Hoàng Cúc. Mối tình gắn với bài thơ tình nổi tiếng “Đây thôn Vỹ Dạ”. Có người vì ông mà sầu thương rơi lệ như nữ sĩ Mai Đình. Có người lại chỉ như một làn gió mát thoảng qua, ve vuốt tâm hồn chàng thi sĩ trong những ngày tháng cuối đời đau đớn và u sầu như Ngọc Sương (chị gái của nhà thơ Bích Khê) và Thương Thương. Lại có người đi qua đời ông một quãng đường đủ dài, đủ sâu đậm, ngỡ như có thể cùng nhau gắn kết hết cuộc đời lại đột ngột rẽ ngang để lại cho ông bao đau thương, sầu hận. Đó chính là mối tình với nàng nữ sĩ Mộng Cầm. Nữ sĩ Mộng Cầm tên thật là Huỳnh Thị Nghệ, sinh năm 1917 tại Nghệ An, nơi cha bà làm việc, còn quê gốc lại ở Phan Thiết. Do ảnh hưởng dòng máu thơ phú từ người cậu là nhà thơ Bích Khê, vào khoảng năm 1934, Mộng Cầm khi đó là cô gái 17 tuổi có tâm hồn sôi nổi và đầy mơ mộng cũng tập tành làm thơ gửi báo. Trùng hợp, trong khoảng thời gian đó, Hàn Mặc Tử cũng vào Sài Gòn phụ trách văn chương cho tờ “Trong Khuê Phòng”. Tò mò với cái tên Mộng Cầm, Hàn Mặc Tử đã viết thư làm quen. Thư từ qua lại một thời gian, hai người phải lòng nhau từ lúc nào không hay. Những người bạn cùng thời kể lại rằng, cứ mỗi cuối tuần, Hàn Mặc Tử lại bắt tàu về Phan Thiết thăm người tình, hai người đưa nhau đi chơi khắp nơi ở Phan Thiết. Đến tận chiều chủ nhật, Hàn Mặc Tử mới trở lại Sài Gòn. Cuộc tình của hai người kéo dài ròng rã suốt hai năm, được ghi lại trong nhiều bài thơ và thư từ qua lại của cả hai người. Đây có lẽ là những năm tháng tươi đẹp, hạnh phúc nhất đời Hàn Mặc Tử. Ông Châu Hải Kỳ, một người gần gũi với gia đình Mộng Cầm sau này từng nhận xét về nhan sắc của bà như sau: “Bà khuôn mặt đầy đặn, nước da dù đã trắng trẻo, mịn màng cũng được trang điểm qua loa một làn phấn lợt thêm hồng đôi má bên cặp môi cùng một màu hồng. Nếu không để ý đến cái thân thể cũng như cử chỉ, dáng điệu trang trọng xứng hợp với một nữ trung niên khuê các, mà chỉ nhận diện bằng “khuôn mặt nép bên hoa” thôi, thì mặc dù bà đã bốn mươi có lẻ, trông bà hãy còn đẹp đẽ, duyên dáng như một cô gái vừa quá tuổi trăng tròn”. Sắc vóc như vậy, lại thêm tính tình sôi nổi, tâm hồn thơ ca bay bổng, lãng mạn, chẳng trách sao nhà thơ Hàn Mặc Tử điêu đứng suốt bao nhiêu năm. Buồn thay, khi tình yêu đang nồng đậm, Hàn Mặc Tử phát hiện mình mắc bệnh nan y. Tong cơn đau tuyệt vọng, thi sĩ cắt đứt liên lạc với tất cả bạn bè trong giới và cả Mộng Cầm. Khoảng 6 tháng sau đó, Mộng Cầm lên xe hoa, mối tình Tử – Cầm tưởng chừng đã thăng hoa, lại yểu mệnh như chính Hàn. Dù vậy, mối tình đó hoàn toàn không chìm vào lãng quên. Nó dày vò Hàn Mặc Tử suốt những năm tháng bệnh tật nhưng đồng thời cũng làm nên nguồn cảm hứng vô tận cho chàng thi sĩ, đẩy những dòng huyết lệ tràn lên ngòi bút, kết thành những áng thơ lóng lánh đau thương mà tuyệt đẹp trong tập thơ Đau Thương (Thơ Điên) với rất nhiều bài thơ nổi tiếng, mà chỉ cần nhìn thoáng qua cũng thấy bóng dáng Mộng Cầm hằn lên từng lời từng chữ như: Phan Thiết Phan Thiết, Muôn Năm Sầu Thảm, Ung Trăng, Tình Hoa, Những Giọt Lệ, Dấu Tích,… Mai Đình, bóng hồng đến sau, đem lòng yêu Hàn Mặc Tử ngay cả khi ông đã ngã bệnh, đã không thể phủ nhận bóng dáng Mộng Cầm trong tim Hàn Mặc Tử. Hãy đọc những dòng thơ hờn ghen trong bài thơ “Phân bì Mộng Cầm” của Mai Đình: Mộng Cầm hỡi! Nàng là tiên rớt xuống Hay là vì tinh tú giáng trần giang? Diễm phúc thay sung sướng biết bao vàn Đầy đủ quá nàng thương chăng kẻ thiếu?

Tử làm thinh. Nhưng ít lúc sau lại lấy hiệu Hàn MẠC Tử.

Hàn Mạc là bức rèm lạnh.

Tử cho là độc đáo, tìm đến khoe cùng tôi. Tôi cười:

Kể cũng ngộ thật! Tránh kiếp Phong Trần, lại đi làm khách hồng nhan. Sợ kiếp hồng nhan đa truân, lại đi làm kiếp Rèm Lạnh! Tránh lờ chun vào lưới. Sao mà lẩn quẩn quá thế?

Tử đâm khùng:

Anh này thật đa sự! Không biết đặt “cái đếch” gì cho vừa lòng anh?

Tôi đáp:

Đã có rèm thì thêm Bóng Trăng vào. Hỏi còn cảnh nào nên thơ bằng?

Tử hội ý, cầm bút vạch “vành trăng non” lên đầu chữ A của chữ MẠC thành ra Hàn Mặc Tử.

Chỉ thêm dấu Á (ă) mà đổi hẳn ý nghĩ

a của cả khóm chữ. Chữ Hàn trước kia nghĩa là Lạnh. Nhưng đi kèm với chữ MẶC là Mực trở thành HÀN là BÚT.

Hàn Mặc Tử là anh chàng Bút Mực”.